

Số: 1076/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-8-2024

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Tâm

2. Bà Võ Phương Trang

Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân: bà Hồ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 677/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 426/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Lê Hoàng T, sinh năm 1976 – Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: ấp PTA, xã NP, huyện MT, tỉnh VL.

2. *Bị đơn:* bà Cao Thị Mỹ T1, sinh năm 1978 – Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: đường LK, phường BHHA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 5 năm 2024, bản tự khai, nguyên đơn ông Lê Hoàng T trình bày:

Ông và bà Cao Thị Mỹ T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 013/2006, ngày 21 tháng 02 năm 2006.

Ông và bà Cao Thị Mỹ T1 sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau,

mâu thuẫn phát sinh ngày càng nhiều và nghiêm trọng, những rạn nứt không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: ông Lê Hoàng T xác nhận trong quá trình chung sống với bà Cao Thị Mỹ T1 có 02 (hai) con chung tên Lê Cao Anh Q, sinh ngày 20/10/1997 (đã thành niên) và trẻ Lê Cao Anh K, sinh ngày 12/10/2009. Ông Lê Hoàng T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi trẻ Lê Cao Anh K, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bà Cao Thị Mỹ T1 là bị đơn trình bày trong bản tự khai:

Về quan hệ hôn nhân: bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Lê Hoàng T.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Cao Anh Q, sinh ngày 20/10/1997 (đã thành niên) và trẻ Lê Cao Anh K, sinh ngày 12/10/2009. Bà đồng ý giao trẻ Khoa cho ông T trực tiếp nuôi con, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Lê Hoàng T giữ nguyên yêu cầu và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Cao Thị Mỹ T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Lê Hoàng T có đơn yêu cầu ly hôn với bà Cao Thị Mỹ T1 nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Thẩm quyền giải quyết: bị đơn cư trú tại số 05 đường Liên khu 2-10, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: nguyên đơn ông Lê Hoàng T và bị đơn bà Cao Thị Mỹ T1 có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiên hành xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[3] Nội dung tranh chấp:

[3.1] Ông Lê Hoàng T và bà Cao Thị Mỹ T1 kết hôn vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 02 năm 2006. Việc kết hôn của ông T và bà T1 tuân theo các điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Cuộc sống vợ chồng của ông T, bà T1 phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn phát sinh ngày càng nhiều, không thể hàn gắn được. Xét thấy, mâu thuẫn của ông T, bà T1 đã thật sự trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu ly hôn của ông T là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: ông Lê Hoàng T và bà Cao Thị Mỹ T1 xác nhận có hai (02) con chung tên Lê Cao Anh Q (đã thành niên) và trẻ Lê Cao Anh K. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Khoa. Xét thấy, trẻ Khoa đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với cha, hơn nữa trẻ Khoa cũng ở ổn định với ông T. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao trẻ Khoa cho ông T trực tiếp nuôi con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: do ông T không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi trẻ Khoa nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Đối với con chung tên Lê Cao Anh Q đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: ông Lê Hoàng T và bà Cao Thị Mỹ T1 tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Hoàng T.

1.1. Về hôn nhân: ông Lê Hoàng T được ly hôn với bà Cao Thị Mỹ T1.

Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 013/2006 ngày 21 tháng 02 năm 2006 do Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lê Hoàng T và bà Cao Thị Mỹ T1 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: ông Lê Hoàng T và bà Cao Thị Mỹ T1 có 02 con chung tên Lê Cao Anh Q, sinh ngày 20/10/1997, đã thành niên và Lê Cao Anh K, sinh ngày 12/10/2009. Giao trẻ Lê Cao Anh K cho ông Lê Hoàng T trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Hoàng T không yêu cầu bà Cao Thị Mỹ T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung, về nợ chung: ông Lê Hoàng T và bà Cao Thị Mỹ T1 xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: ông Lê Hoàng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011435 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Gấm